



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thương mại Kiên Giang

Ngày 31/12/2025	10,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	8.7%	2.3%	5.4%

DT thuần Q4/25
tỷ VNĐ

LN thuần Q4/25
tỷ VNĐ

LN sau thuế Q4/25
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT 2025

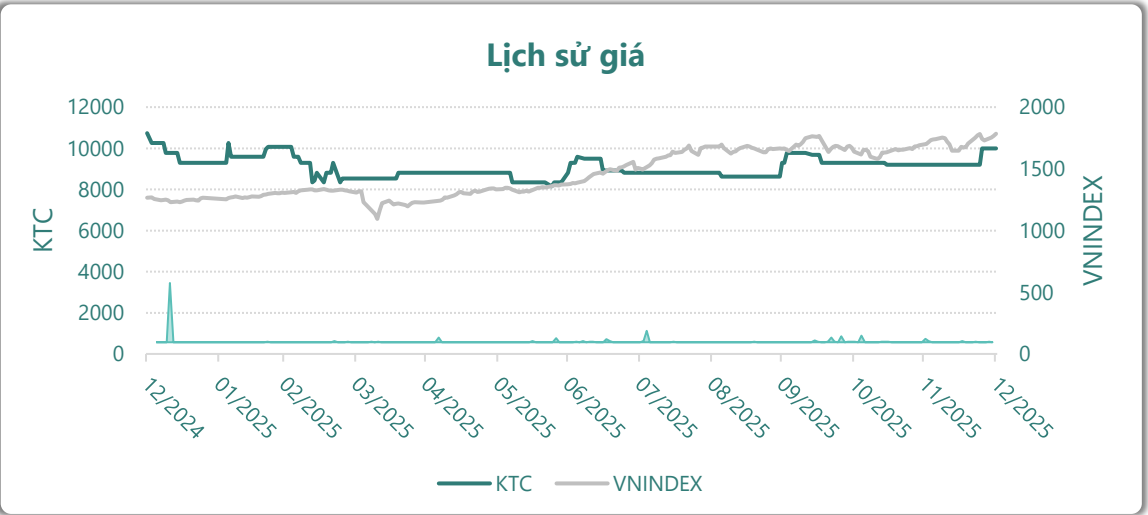
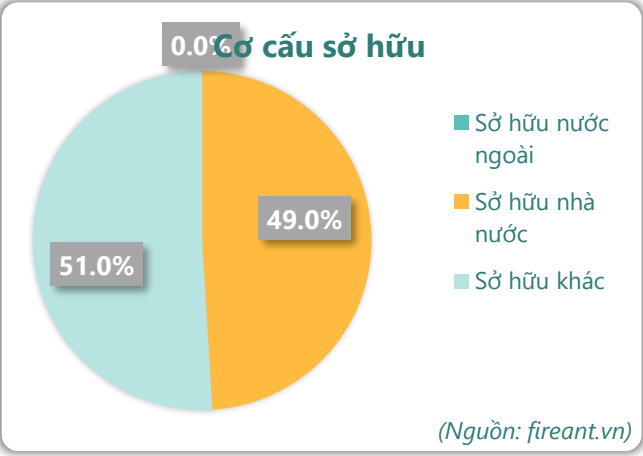
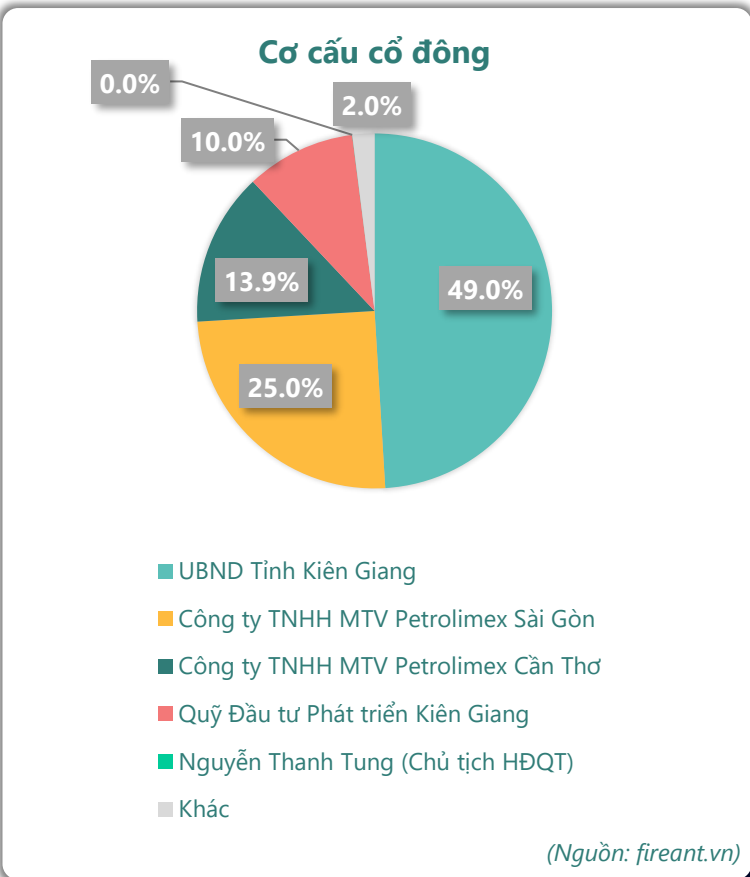
ROE 2025

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,146 - 10,733
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	365
Số lượng CPLH (CP)	36,473,833
KLGD BQ 20 phiên (CP)	500
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.09)
EPS	
P/E	

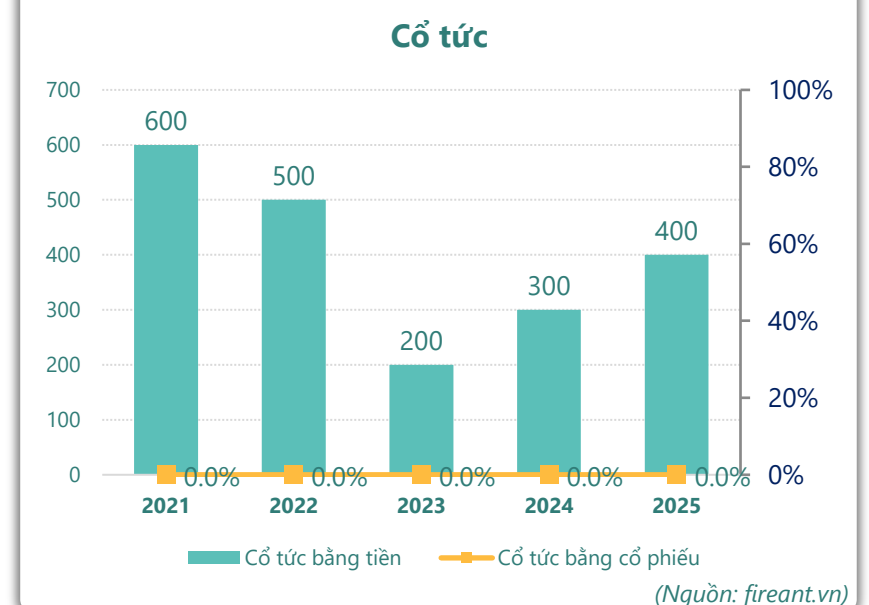
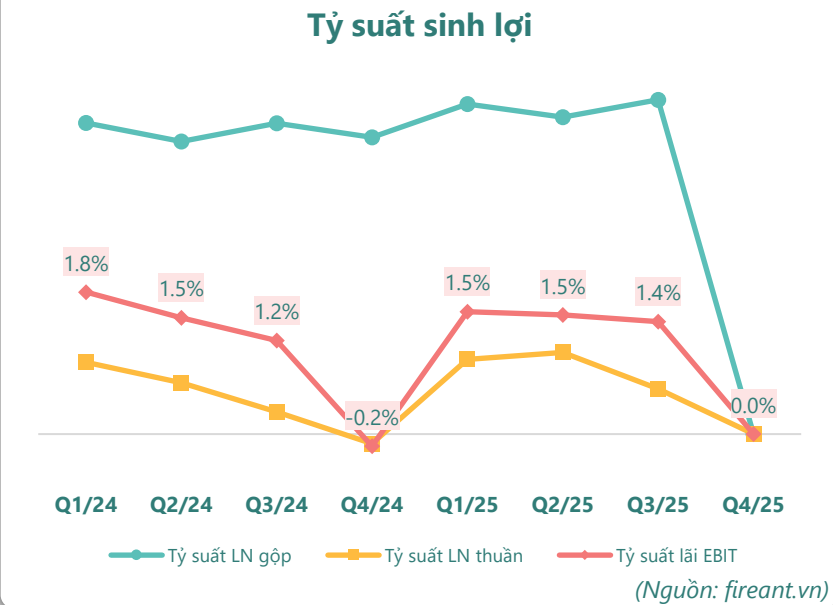
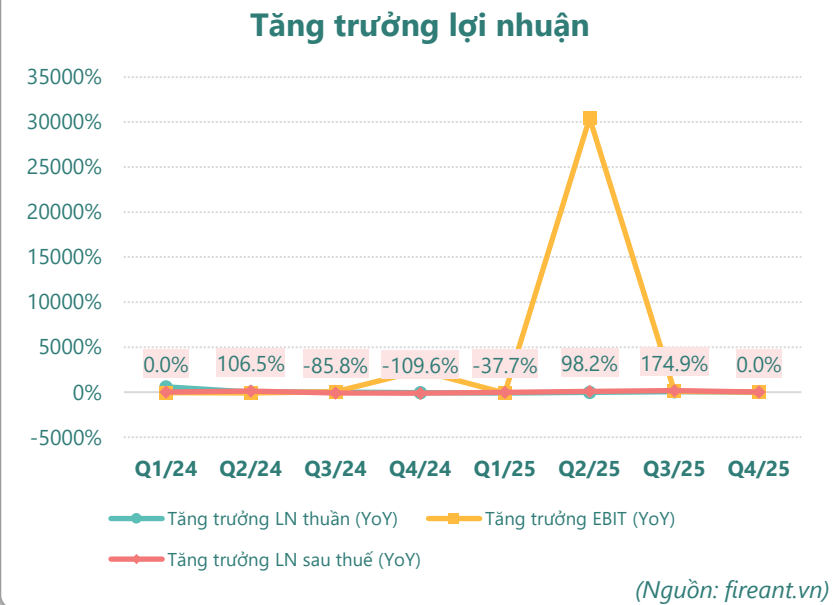
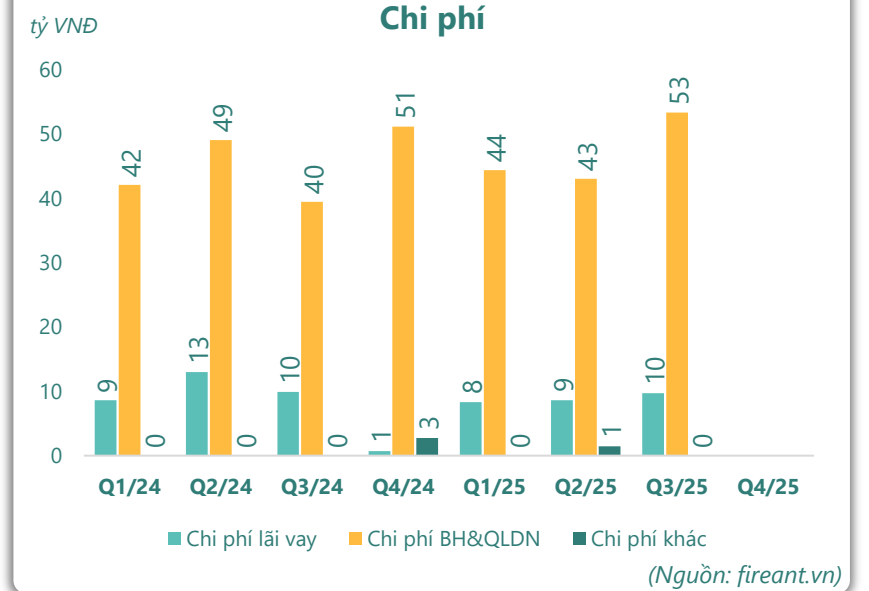
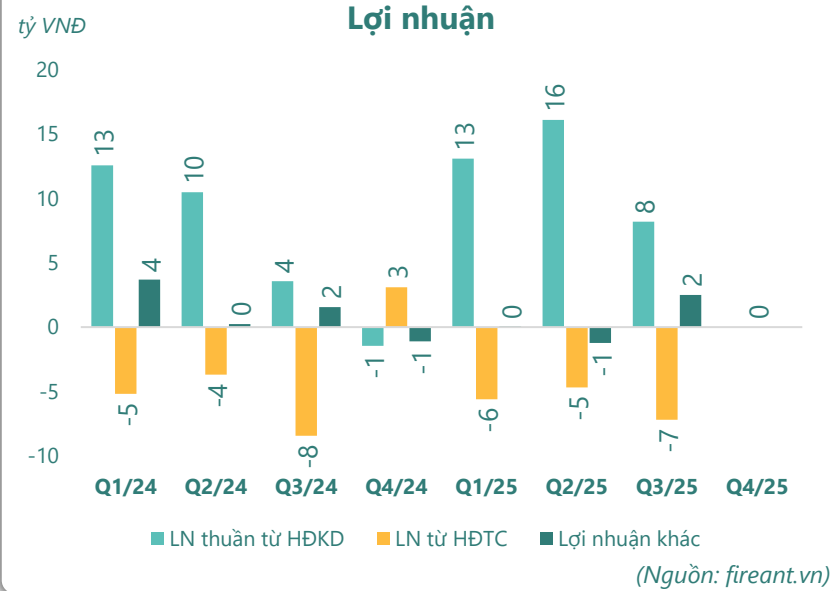
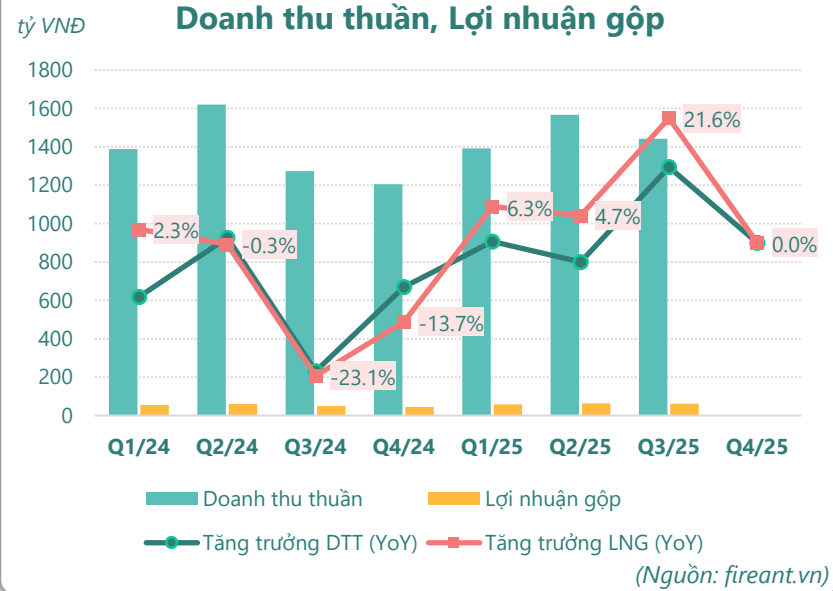
DT thuần 2025
tỷ VNĐ

LN thuần 2025
tỷ VNĐ

LN sau thuế 2025
tỷ VNĐ



KẾT QUẢ KINH DOANH

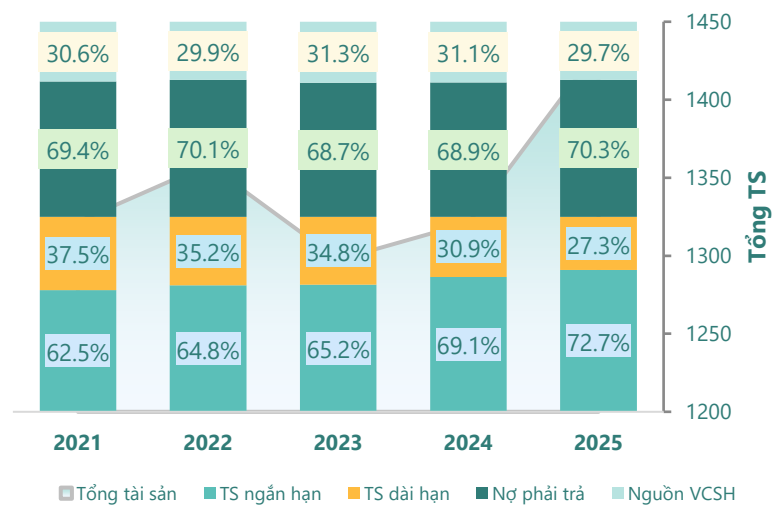




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

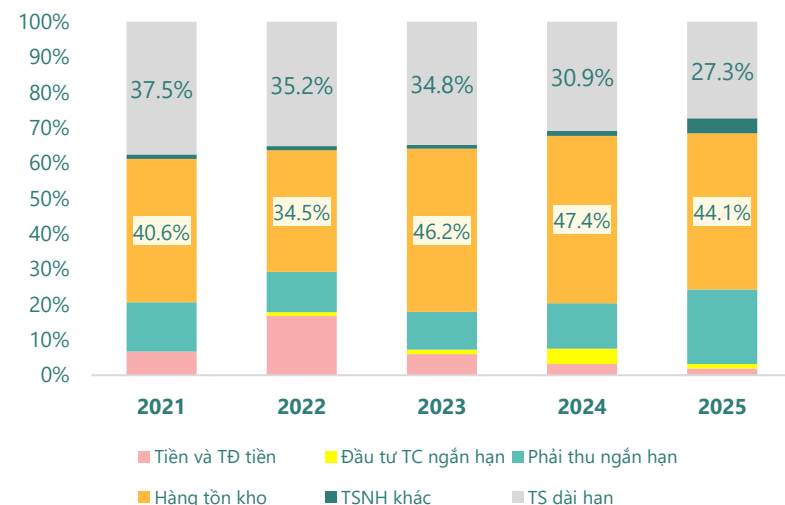
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

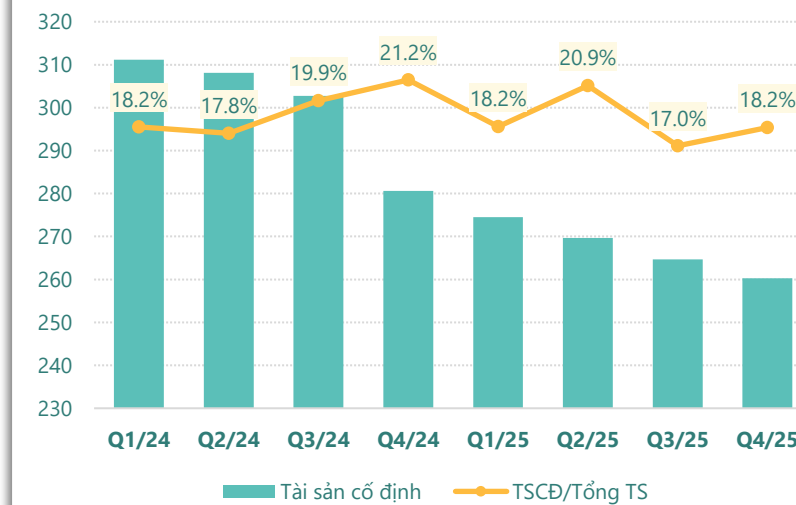
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

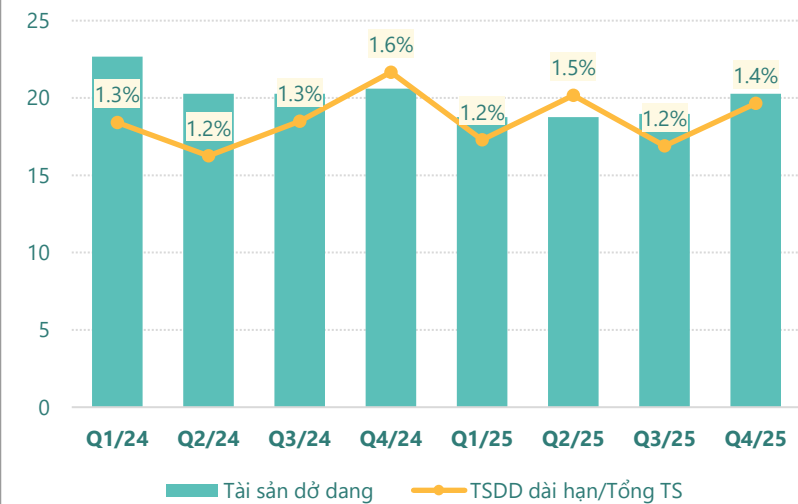
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

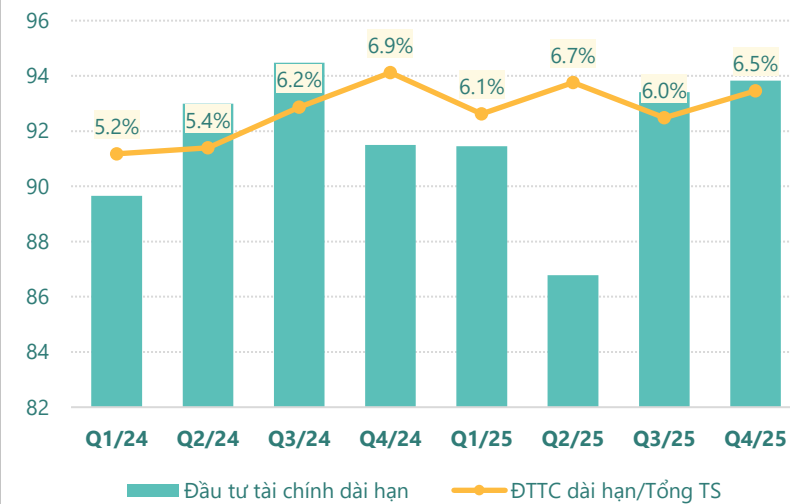
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

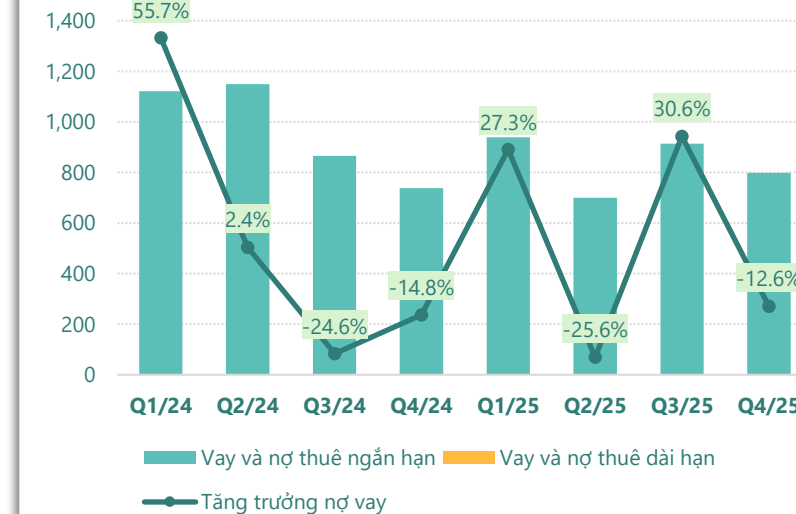
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

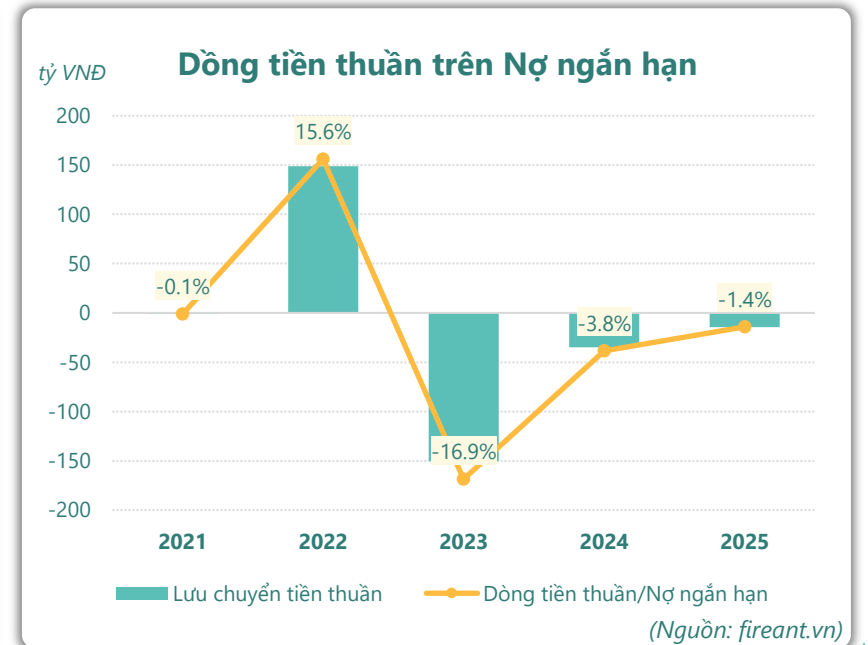
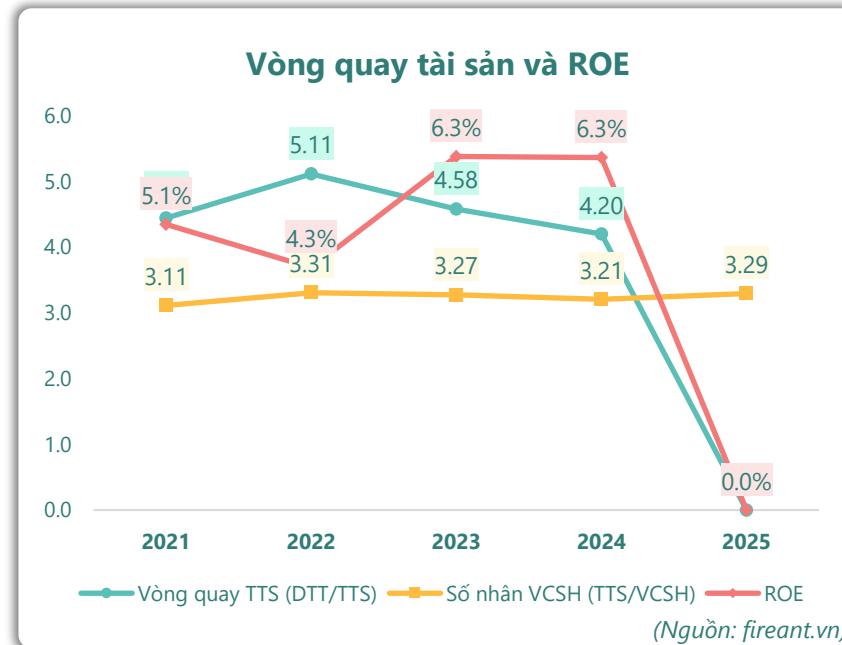
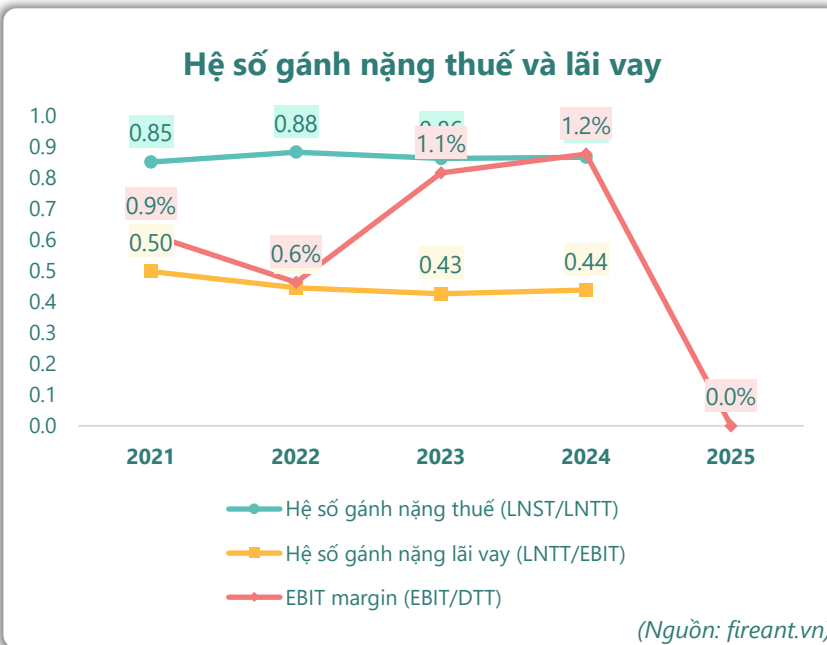
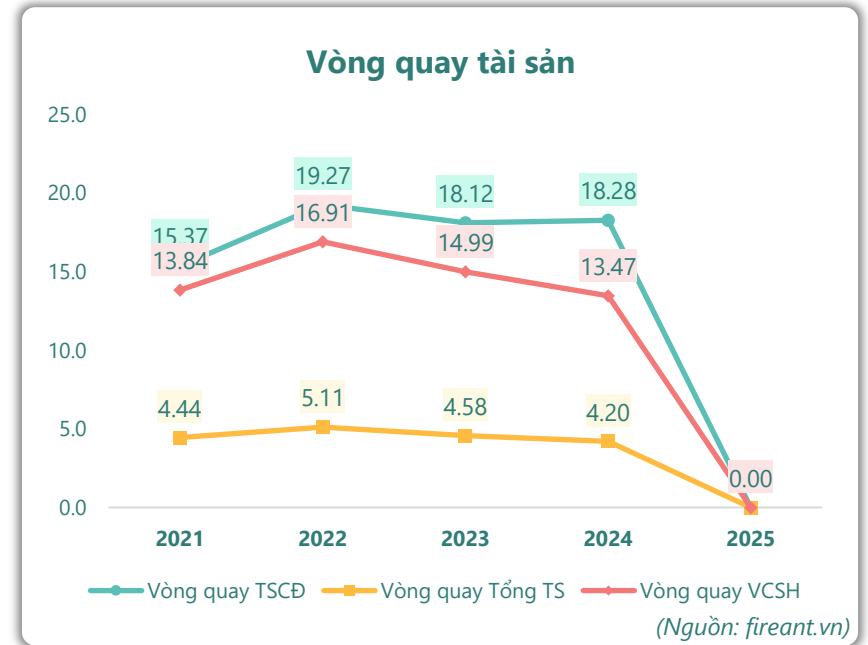
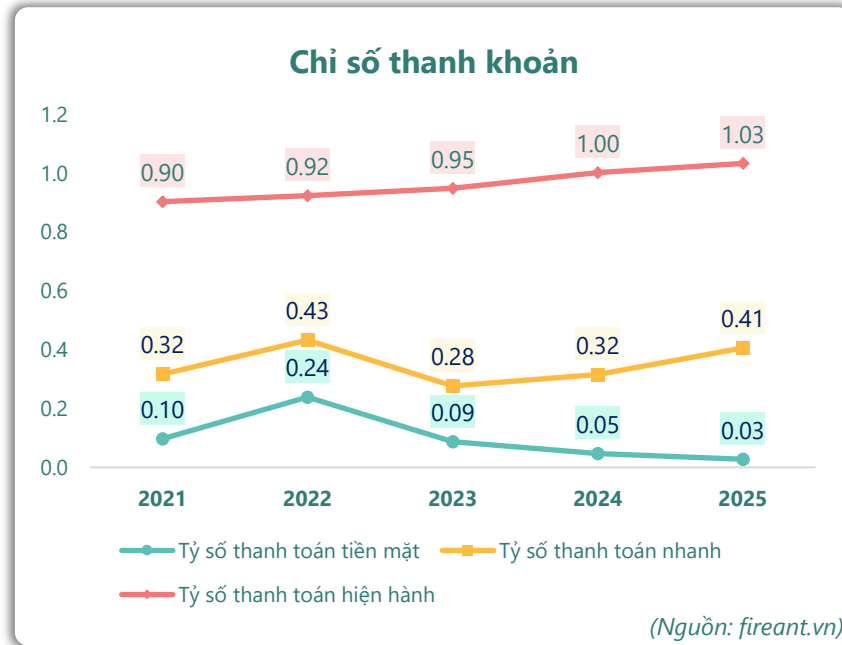
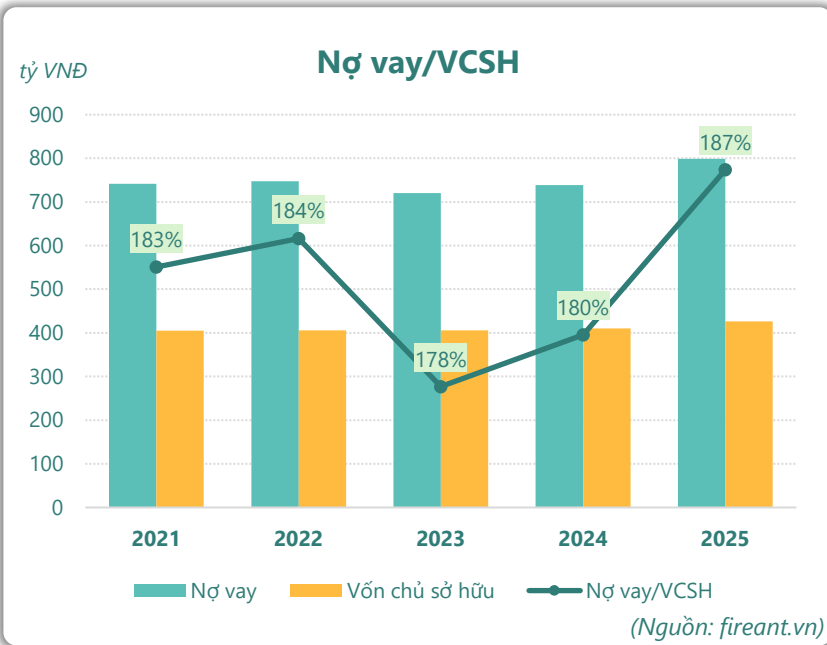
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần		1,205			5,498	
Giá vốn hàng bán		1,160			5,289	
Lợi nhuận gộp		45.1			209	
Doanh thu HĐTC		6.18			25.1	
Chi phí TC		3.09			44.0	
Chi phí lãi vay		0.71			37.9	
LN trong công ty LKLD		1.60			12.1	
Chi phí bán hàng		27.8			122	
Chi phí QLDN		23.4			60.0	
LN thuần từ HĐKD		-1.44			20.2	
Lợi nhuận khác		-1.10			9.32	
LN trước thuế		-2.54			29.5	
Lợi nhuận sau thuế		-2.44			25.6	
LNST của CĐ cty mẹ		-2.45			25.5	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	160	84.4	-186	173	-159	111
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.53	39.0	3.00	41.6	-43.7	0.49
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-283	-139	201	-240	214	-130
Tiền đầu kỳ	185	58.0	42.1	60.2	36.9	46.2
Lưu chuyển tiền thuần	-127	-15.9	18.2	-25.1	11.1	-18.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	58.0	42.1	60.2	36.9	46.2	27.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,433	1,321	8.5%
Tài sản ngắn hạn	1,041	913	14.0%
Tiền và tương đương tiền	27.7	42.3	-34.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.5	56.7	-69.1%
Phải thu ngắn hạn	303	170	78.1%
Hàng tồn kho	633	626	1.1%
Tài sản ngắn hạn khác	60.4	18.7	224%
Tài sản dài hạn	392	408	-3.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	260	279	-6.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	20.3	20.6	-1.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	93.8	91.5	2.6%
Tài sản dài hạn khác	17.5	17.0	2.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,007	911	10.6%
Nợ ngắn hạn	1,007	911	10.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	799	738	8.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	66.4	59.0	12.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	426	410	3.8%
Vốn chủ sở hữu	426	410	3.8%
Vốn điều lệ	365	365	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

